

# PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HỢP ĐỒNG Ở VIỆT NAM

Bảo Trung\*

## 1. Đặt vấn đề

Sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm làm ra luôn là thách thức và là mối quan tâm, lo lắng của chính phủ các quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ sản phẩm nông nghiệp do các hộ nông dân, mà phần lớn thuộc tầng lớp nghèo trong xã hội sản xuất ra, nếu không được tiêu thụ tốt và đem lại lợi nhuận cho họ, thì thu nhập và đời sống của họ sẽ bị ảnh hưởng xấu, trách nhiệm sẽ có phần thuộc về các chính phủ.

Vì vậy, trên nghị trường quốc tế, nhiều cuộc đàm phán song phương và đa phương về tự do hóa thị trường sản phẩm nông nghiệp luôn gặp nhiều bất đồng, vì chính phủ các quốc gia đều lo ngại nông dân của họ sẽ gặp khó khăn trong tự do hóa tiêu thụ nông sản. Sự thất bại của vòng đàm phán Doha của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) về thương mại nông nghiệp là điển hình cho sự bất đồng về chính sách bảo hộ sản xuất nông nghiệp của các quốc gia.

Ở Việt Nam, trong sản xuất và tiêu thụ nông sản của mình, người nông dân cũng thường rơi vào tình trạng “được mùa thì mất giá và mất mùa thì được giá”. Để giải quyết những mâu thuẫn hiện nay trong tiêu thụ nông sản, ngày 24/6/2002 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 80/2002/QĐ-TTg về khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng. Kể từ đó đã dấy lên phong trào gọi là “sản xuất theo hợp đồng và liên kết bốn nhà”.

Thực hiện Quyết định nói trên, ở nhiều địa phương các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) đã tích cực triển khai và đã đạt kết

quả tốt. Một số doanh nghiệp đã thực hiện thành công việc ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản với nông dân như Công ty nông nghiệp Sông Hậu, Công ty nông nghiệp Cờ Đỏ, Công ty bông Việt Nam, Công ty xuất nhập khẩu nông sản – thực phẩm An Giang, thực hiện bao tiêu toàn bộ sản phẩm của nông dân đã ký kết hợp đồng; Công ty bông Việt Nam ứng trước vốn, vật tư và thu mua sản phẩm theo giá cố định trên hợp đồng; Công ty lương thực Tiền Giang bao tiêu lúa hàng hoá trên diện tích 3.300 ha của nông dân; Công ty chăn nuôi Tiền Giang có hợp đồng mua bắp hạt của nông dân với diện tích 50 ha...

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong thời gian qua, tình trạng vi phạm hợp đồng xảy ra khắp nơi do cả phía doanh nghiệp và nông dân. Năm 2005, Tổng công ty lương thực Miền Nam ký hợp đồng tiêu thụ lúa cho nông dân trên diện tích 10.606 ha, với sản lượng là 54.727 tấn, nhưng chỉ mua được 17.510 tấn, đạt 32,0% hợp đồng đã ký kết (Vinafood, 2006). Nhiều doanh nghiệp khác cũng chỉ thực hiện mua được theo hợp đồng đã ký dưới 10% , tỷ lệ nợ khó thu hồi vốn ứng trước gia tăng.

Vậy, sản xuất theo hợp đồng theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được xem là một trong những hình thức giao dịch nông sản tiên tiến, nhưng tại sao lại khó hoặc không thành

\* Bảo Trung, Thạc sĩ, Trưởng Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II, địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Tp.HCM.

công trên thực tiễn, bài viết này sẽ phân tích những nguyên nhân không thành công dựa trên phân loại và phân tích các hình thức sản xuất theo hợp đồng đã và đang diễn ra ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

### **Một số luận giải về sản xuất theo hợp đồng trong nông nghiệp**

Eaton và Shepherd (2001) định nghĩa sản xuất theo hợp đồng là “thỏa thuận giữa những người nông dân với các doanh nghiệp chế biến hoặc doanh nghiệp kinh doanh trong việc sản xuất và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp dựa trên thỏa thuận giao hàng trong tương lai, giá cả đã được định trước”.

Theo Sykuta và Parcell (2003), sản xuất theo hợp đồng trong nông nghiệp đưa ra những luật lệ cho việc giao dịch nông sản qua việc phân bổ thật rõ ba yếu tố chính: lợi ích, rủi ro, và quyền quyết định. Như vậy, bản chất của sản xuất theo hợp đồng hoàn toàn khác với hình thức giao ngay mang tính truyền thống (đó là mua bán trực tiếp hoặc thông qua các chợ) hoặc giao dịch giao sau (đó là mua, bán nông sản thông qua Sở giao dịch hàng hóa). Điểm khác biệt về bản chất của ba hình thức giao dịch này chính là cơ chế hình thành giá. Đối với giao dịch giao ngay, giá thỏa thuận trên hợp đồng phản ánh cung cầu thị trường hiện tại; đối với giao dịch giao sau, giá cả phản ánh cung cầu thị trường tương lai; đối với sản xuất theo hợp đồng, giá cả phản ánh lợi ích, rủi ro và quyền quyết định của người mua và người bán. Điều này có nghĩa là, giá đã được thỏa thuận phải đảm bảo người bán thu được lợi ích nhất định và người mua có thể mua hàng với mức giá có thể chấp nhận được; cho dù vào thời điểm giao hàng, giá thị trường có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá thỏa thuận.

Có thể phân loại sản xuất theo hợp đồng theo cấu trúc tổ chức của hợp đồng. Cấu trúc tổ chức của sản xuất theo hợp đồng phụ thuộc vào quy trình sinh học của sản phẩm nông nghiệp, nguồn lực của doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ và tính chất của mối quan

hệ giữa nông dân và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ. Eaton và Shepherd (2001) đã chia các hình thức sản xuất theo hợp đồng trong nông nghiệp thành 5 mô hình, đó là: mô hình tập trung, mô hình trang trại tập trung, mô hình phi chính thức, mô hình đa thành phần và mô hình trung gian.

## **2. Thực trạng các mô hình sản xuất theo hợp đồng trong nông nghiệp ở Việt Nam**

### **2.1. Mô hình tập trung**

Mô hình tập trung là mô hình các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ trực tiếp ký hợp đồng với nông dân. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm cung cấp hầu hết các yếu tố đầu vào, hướng dẫn quy trình kỹ thuật và giám sát toàn bộ quá trình sản xuất từ khâu xuống giống đến khâu thu hoạch. Nông dân chịu trách nhiệm cung cấp nguồn lực đầu vào là đất đai, chuồng trại và công lao động để thực hiện khâu trực tiếp sản xuất mang tính sinh học. Bản chất của mô hình này chính là sản xuất theo hợp đồng gia công. Lợi ích và rủi ro được chia sẻ giữa các bên tham gia hợp đồng tùy theo sự đóng góp của mỗi bên, nhưng quyền quyết định thuộc về doanh nghiệp.

Ở Việt Nam do số hộ nông dân đông, quy mô sản xuất nhỏ nên doanh nghiệp phải ký hợp đồng với rất nhiều hộ nông dân mới đủ lượng sản phẩm cần thiết cho nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Bảng 1 cho chúng ta thấy diện tích và số hộ tham gia ký kết hợp đồng tiêu thụ bông với trạm bông Krông Chro, thuộc công ty bông Việt Nam.

Để thực hiện công việc này, trạm bông Krông Chro với 12 người và 41 cộng tác viên phải ký hợp đồng với 1586 hộ nông dân để mua sản phẩm. Điều này làm tăng đáng kể chi phí thu mua và quản lý sản phẩm đã thu mua của nông dân

**Bảng 1. Diện tích và số hộ nông dân tham gia trồng bông năm 2002-2004 tại Trạm Kông Chro**

Năm	Diện tích (ha)	Tổng số hộ	Bình quân ha/hộ
2002	738	460	0,62
2003	1.882	1.028	0,55
2004	2.669	1.586	0,59

*Nguồn:* Báo cáo sản xuất bông ở trạm Kông Chro (2006).

Khảo sát cho thấy, nếu các hộ nông dân có nhu cầu cao về bán sản phẩm làm ra và doanh nghiệp có nhu cầu và khả năng tiêu thụ lớn thì thường các hợp đồng đã ký kết được thực hiện tốt. Những hộ sản xuất quy mô lớn có nhu cầu bán sản phẩm cao hơn và họ cần sản xuất theo hợp đồng hơn so với những hộ sản xuất quy mô nhỏ. Đối với doanh nghiệp, chi phí triển khai ký kết và thu mua theo hợp đồng với những hộ có quy mô sản xuất lớn đã giảm đáng kể, nguy cơ rủi ro cũng thấp hơn. Điều này thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện ký hợp đồng mua sản phẩm.

### 2.2. Mô hình trang trại hạt nhân

Mô hình trang trại hạt nhân tương tự như mô hình tập trung, nhưng bên mua sản phẩm là doanh nghiệp nắm quyền sở hữu đất đai, chuồng trại, vườn cây. Bên bán sản phẩm chỉ thực hiện hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm và bán lại sản phẩm cho doanh nghiệp. Mô hình này hình thành kể từ khi thực hiện Nghị định số 01/CP ngày 4 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ về “việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước” và nay thực hiện theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về “giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi

trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh”. Trong mô hình này, người sản xuất và người mua nông sản ký một hợp đồng gọi là “hợp đồng giao khoán”. Trong đó quy định: *Doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp giữ vai trò định hướng sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật (khuyến nông), cung ứng dịch vụ đầu vào, đầu ra..., giám sát các hoạt động kinh doanh sản xuất trên vườn cây, đàn gia súc giao khoán... Quan hệ giữa doanh nghiệp giao khoán và bên nhận khoán được thiết lập theo nguyên tắc thị trường, thuận mua, vừa bán.* Đây chính là kiểu sản xuất theo hợp đồng với mô hình trang trại hạt nhân. Điển hình cho mô hình này là công ty cao su Đắk Lắk, công ty cà phê IASAO... mô hình này hình thành dựa trên cơ sở doanh nghiệp quy mô lớn nhưng chỉ làm dịch vụ đầu vào – đầu ra cho các trang trại gia đình tham gia ký hợp đồng với doanh nghiệp, họ thực hiện các quá trình sản xuất gắn với cây trồng, vật nuôi. Để hợp đồng đã ký được thực hiện nghiêm chỉnh thì doanh nghiệp phải thực hiện đủ và đúng nghĩa vụ của mình đối với những hộ gia đình nhận khoán.

### 2.3. Mô hình đa chủ thể

Mô hình đa chủ thể tham gia hợp đồng sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam thường gọi là mô hình “liên kết bốn nhà”. Tham gia mô hình này có nhiều chủ thể khác nhau như:

nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân. Đặc điểm của mô hình này là các chủ thể khác nhau sẽ có trách nhiệm và vai trò khác nhau. Trong đó, doanh nghiệp đóng vai trò hạt nhân gắn kết nhà khoa học với nông dân, gắn kết nhà tài chính với nông dân và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Doanh nghiệp là người quyết định việc tiêu thụ sản phẩm của nông dân, nên họ biết được thị trường cần gì để đặt hàng cho nông dân sản xuất. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chính là người đặt hàng cho các nhà khoa học, ngân hàng, cung cấp các dịch vụ cho mình và cho nông dân. Vai trò của nhà nước là xử lý các mối quan hệ giữa các bên ký kết hợp đồng, quy hoạch vùng sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, giải quyết những vấn đề khó khăn nảy sinh do thị trường, thiên tai gây ra, và vận động, giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng cho các bên tham gia sản xuất theo hợp đồng. Mô hình đa chủ thể ở Việt Nam đã hình thành nhưng chưa phát triển bền vững. Những trường hợp thành công như HTX Bình Tây chỉ là số ít và khó nhân rộng. Nguyên nhân chưa thành công của mô hình đa chủ thể là do các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ chưa đóng vai trò hạt nhân. Doanh nghiệp chưa lựa chọn và quy hoạch vùng nguyên liệu một cách kỹ càng và thị trường đầu ra chưa ổn định. Vai trò của nhà nước chưa được phát huy, chưa thúc đẩy được mối liên kết thị trường giữa doanh nghiệp và các HTX hoặc nhóm nông dân và chưa có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng giữa các bên tham gia.

#### **2.4. Mô hình phi chính thức**

Mô hình phi chính thức xuất hiện ở Việt Nam từ nhiều năm qua và phát triển mạnh trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ lúa gạo ở ĐBSCL vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Đây chính là hợp đồng miệng giữa nông dân với người mua gom (thương lái). Người mua đồng thời là người cung cấp vật tư phân bón nên họ thực hiện phương thức ứng trước vật tư phân bón cho nông dân và đến khi thu

hoạch họ nhận lại sản phẩm. Ở ĐBSCL, người ta thường quy lúa và áp dụng theo tỷ lệ "1 gia ăn 1,1 gia". Giữa thương lái và nông dân hoàn toàn sử dụng "cơ chế lòng tin" để ràng buộc nhau nên giữa người mua và nông dân ít xảy ra tình trạng vi phạm hợp đồng.

Mô hình này thường chỉ áp dụng trong cùng cộng đồng, sản xuất ở quy mô nhỏ. Mối quan hệ giữa nông dân và người mua là mối quan hệ thân tình, láng giềng rất chặt chẽ nên hợp đồng mua bán lúa gạo được đảm bảo. Tuy nhiên, mô hình này khó mở rộng phạm vi hoạt động vì những người thương lái thường gặp rủi ro lớn, không đảm bảo khả năng tái hoạt động.

#### **2.5. Mô hình trung gian**

Đây là mô hình doanh nghiệp ký hợp đồng mua sản phẩm của nông dân thông qua các đầu mối trung gian như hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm nông dân hoặc người đại diện cho một số hộ nông dân. Đặc điểm của mô hình này là doanh nghiệp không ký kết hợp đồng trực tiếp với nông dân mà thay vào đó doanh nghiệp thuê các tổ chức trung gian thực hiện vai trò của mình. Mô hình này thể hiện rõ ở trường hợp Công ty lương thực Đồng Tháp ký. Công ty đã ký hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Bình Thành thực hiện mua lúa chất lượng cao. HTX nhận vật tư, giống, phân, bón từ doanh nghiệp và phân giao cho nông dân; HTX chịu trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho xã viên, thu lại sản phẩm từ xã viên và giao cho Công ty. Công ty thanh toán tiền hoa hồng cho HTX 50 đ/kg lúa.

Qua khảo sát, những hợp tác xã làm ăn hiệu quả, có uy tín, thực hiện tốt vai trò của mình thì hợp đồng được thực hiện. Các hợp tác xã hoạt động yếu kém thường để lại nợ đọng lớn cho doanh nghiệp. Bảng 2 sau đây minh họa số nợ của các HTX khi thực hiện sản xuất theo hợp đồng với Công ty lương thực Tiên Giang trong năm 2007.

**Bảng 2. Các HTX nợ vật tư đầu vào của Công ty Lương thực Tiền Giang (Tính đến ngày 30/6/2007)**

STT	Đơn vị	Nợ phải trả công ty (đồng)
1	HTX Quyết Tiến	56.203.000
2	HTX Hòa Thành	137.591.140
3	HTX Tân Thịnh	114.237.300
4	HTX Tân Quý	11.953.632
5	HTX Mỹ Hòa	25.280.000
	Tổng cộng	345.265.072

Nguồn: Công ty Lương thực Tiền Giang (2007).

Quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp với nông dân theo mô hình trung gian sẽ góp phần giúp cho các doanh nghiệp giảm đầu mỗi ký hợp đồng, nhưng doanh nghiệp cũng sẽ gặp rủi ro lớn khi đối tác trung gian (các HTX) không thực hiện tốt vai trò của mình.

**3. Hướng hoàn thiện các mô hình sản xuất theo hợp đồng trong nông nghiệp ở Việt Nam**

**3.1. Hoàn thiện mô hình tập trung**

Mô hình tập trung có vai trò tạo nên vùng nguyên liệu lớn cho các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ trong điều kiện doanh nghiệp không có trong tay quỹ đất trồng trọt hoặc chuồng trại chăn nuôi. Mô hình này phù hợp với các doanh nghiệp có nhu cầu hình thành vùng nguyên liệu chất lượng cao, ổn định và nông dân là những người sản xuất nông sản nguyên liệu có nhu cầu bán nông sản ngay sau sản xuất. Để mô hình này phát triển bền vững trong thời gian tới, cần có một số giải pháp hoàn thiện như sau:

- *Thứ nhất*, các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ cần đầu tư vào sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân từ khâu thiết kế đến khâu thu hoạch để đảm bảo sản phẩm do nông dân sản xuất đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Khâu thiết kế gồm: thiết kế đồng ruộng, chuồng trại; quy trình sản xuất; định mức kinh tế kỹ thuật và công khai hóa tất cả các tiêu chuẩn sản phẩm

cùng giá cả tương ứng mà nông dân sẽ được hưởng. Trong sản xuất nông nghiệp, doanh nghiệp cần cử cán bộ theo dõi các tác nghiệp sản xuất của hộ nông dân và trực tiếp xử lý những vấn đề kỹ thuật nảy sinh, giúp cho người nông dân hạn chế tối đa rủi ro. Sau thu hoạch, doanh nghiệp cần phải mua lại toàn bộ sản phẩm và thanh toán sòng phẳng cho nông dân.

- *Thứ hai*, hộ nông dân phải làm đúng theo quy trình sản xuất do doanh nghiệp đưa ra; thông báo những trường hợp bất thường trên cây trồng, vật nuôi cho doanh nghiệp để hai bên cùng phối hợp xử lý.

- *Thứ ba*, giá cả trong hợp đồng mua sản phẩm phải bao gồm toàn bộ tiền công lao động theo giá thị trường bình quân tại địa phương (cán cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật); tiền khấu hao tài sản được sử dụng vào sản xuất nông sản (chuồng trại) hoặc giá trị quyền sử dụng đất được tính theo giá thuê quyền sử dụng đất tại thời điểm ở địa phương.

- *Thứ tư*, nhà nước cần triển khai chính sách thúc đẩy hình thành những trang trại sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn.

- *Thứ năm*, nhà nước cần có quy định buộc các doanh nghiệp đưa ra thị trường những sản phẩm phải đạt tiêu chuẩn về chất lượng và có khả năng truy xét nguồn gốc sản phẩm. Quy định này sẽ buộc các

doanh nghiệp phải hợp tác cùng nông dân để sản xuất. Đối với nông dân, nhà nước cần tiếp tục đầu tư đào tạo nghề, tri thức sản xuất hàng hóa, quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn (GAP) và chuyển giao công nghệ sản xuất chất lượng cao miễn phí.

### **3.2. Hoàn thiện mô hình trang trại hạt nhân**

Mô hình trang trại hạt nhân ở Việt Nam đã hình thành và phát triển trong quá trình thực hiện cơ chế khoán trong các nông, lâm trường quốc doanh. Do đó việc hoàn thiện mô hình này sẽ gắn liền với việc hoàn thiện cơ chế khoán với một số giải pháp như sau:

- *Thứ nhất*, đối với các doanh nghiệp đang thực hiện cơ chế giao khoán không có đầu tư cần phải chuyển sang hình thức giao khoán gắn liền với việc đầu tư trong suốt thời gian giao khoán. Điều này có nghĩa là trách nhiệm của doanh nghiệp phải là người đảm bảo đầy đủ các yếu tố đầu vào cho hộ nhận khoán và nhận lại toàn bộ sản phẩm do hộ nhận khoán sản xuất.

- *Thứ hai*, hoàn thiện cơ chế phân phối lợi ích giữa bên giao khoán và bên nhận khoán. Phân phối lợi ích là một trong những nội dung quan trọng của hợp đồng sản xuất nông nghiệp theo mô hình trang trại hạt nhân. Việc phân phối lợi ích có thể theo một trong hai phương án: (1) phân phối bằng giá trị theo cơ cấu giá thành dự toán và (2) phân phối bằng hiện vật theo tỷ lệ đầu tư mỗi bên.

- Theo phương án (1), các doanh nghiệp giao vườn cây, chuồng trại cho hộ nông dân. Hộ nông dân tự chủ tổ chức sản xuất trên vườn cây nhận khoán. Đồng thời, họ có trách nhiệm giao nộp đầy đủ các khoản tài chính theo quy định của doanh nghiệp. Phương án này có nhược điểm là chưa thể hiện rõ cơ chế cùng đầu tư, cùng chia sẻ rủi ro; và chưa phản ánh được lợi ích của các bên sẽ hưởng theo mức đóng góp về công sức tiền của, vật tư và công quản lý của họ.

- Theo phương án (2), trên cơ sở dự toán đầu tư của toàn bộ chu kỳ sản xuất, sẽ xác định tổng mức đầu tư và mức đầu tư của mỗi bên. Doanh nghiệp nhận lại toàn bộ sản phẩm trong mức giao khoán; phân sản

phẩm vượt khoán thuộc quyền sở hữu của hộ nhận khoán. Phương án này thể hiện rõ ràng cơ chế cùng đầu tư, cùng chia sẻ lợi ích theo tỷ lệ vốn đầu tư, tôn trọng cơ chế thị trường, khắc phục được hạn chế của phương án (1). Các doanh nghiệp nên thực hiện phân phối hiện vật theo tỷ lệ đầu tư mỗi bên theo phương án này.

### **3.3. Hoàn thiện mô hình đa chủ thể**

Thực tiễn mô hình đa chủ thể ở Việt Nam rất đa dạng. Sự thành công của mô hình này phụ thuộc vào vai trò của doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ. Để hoàn thiện mô hình đa chủ thể tham gia vào hợp đồng sản xuất nông nghiệp, cần triển khai một số giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, xác định lại vai trò của Nhà nước. Nhà nước không phải là chủ thể tham gia vào quá trình liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp; giữa nông dân, doanh nghiệp với ngân hàng; giữa nông dân, doanh nghiệp với nhà khoa học. Thay vào đó, nhà nước đóng vai trò thúc đẩy các mối liên kết.

- *Thứ hai*, doanh nghiệp đóng vai trò hạt nhân, là chủ thể chính trong mối quan hệ hợp đồng với tất cả các bên tham gia liên kết. Trong trường hợp HTX là chủ thể chính thì đứng đằng sau HTX cũng phải là các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ.

- *Thứ ba*, nhà nước cần chuyển các tổ chức khoa học - công nghệ và các cơ quan khuyến nông thành các đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp trong cung cấp các dịch vụ khoa học - công nghệ cho nông dân theo cơ chế công ích.

- *Thứ tư*, phát triển các trung tâm tư vấn sản xuất theo hợp đồng. Các trung tâm này sẽ tham gia xây dựng cơ chế cụ thể của liên kết giữa các chủ thể tham gia; đào tạo nâng cao nhận thức về sản xuất theo hợp đồng cho nông dân, doanh nghiệp; tư vấn cho nông dân tham gia thỏa thuận hợp đồng và giải thích cho nông dân những yêu cầu, khó khăn, thuận lợi khi thực hiện sản xuất theo hợp đồng.

### **3.4. Hoàn thiện mô hình phi chính thức**

Trong điều kiện trình độ của người nông dân còn thấp, mô hình phi chính thức sẽ còn tiếp tục phát triển. Để hoàn thiện mô hình

này, cần triển khai một số giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, nhà nước cần phải tuyên truyền các chủ thể tham gia mô hình nhận thức được các thỏa thuận không bằng văn bản cũng được xem như hợp đồng chính thức giữa người bán và người mua.

- *Thứ hai*, cần quy định đăng ký bắt buộc đối với các hộ mua gom có tham gia mua nông sản của nông dân. Việc đăng ký này được thực hiện ở cấp xã, hoàn toàn miễn phí, thủ tục đơn giản và không thu bất kỳ khoản phí hoặc đóng góp nào.

### 3.5. Hoàn thiện mô hình trung gian

Để hoàn thiện mô hình trung gian trong hợp đồng nông nghiệp cần phải có một số giải pháp thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức này, gồm:

- *Thứ nhất*, thành lập HTX và tổ hợp tác thật sự dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tránh chạy theo thành tích. HTX và tổ hợp tác phải thực sự là đại diện của nông dân, không phải là “cánh tay nối dài” của Nhà nước.

- *Thứ hai*, phương thức vận động thành lập HTX và tổ hợp tác phải phù hợp với môi trường văn hóa xã hội của từng vùng và từng địa phương khác nhau. Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phối hợp với các Viện, Trường và các Chi Cục ở địa phương nghiên cứu xác định rõ những nhân tố văn hóa – xã hội dẫn đến sự hợp tác của nông dân. Từ đó, đề xuất những phương thức vận động và hỗ trợ phù hợp với từng địa phương.

- *Thứ ba*, vận động người mua gom tham gia vào HTX. Người mua gom có kinh nghiệm thương mại và có quan hệ gần gũi với nông dân. Vì thế, tập hợp họ vào trong một tổ chức và trở thành người trung gian giữa doanh nghiệp và nông dân là điều cần thiết trong quá trình sản xuất theo hợp đồng.

- *Thứ tư*, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX thông qua chính sách thúc đẩy tập trung đất đai và giáo dục – đào tạo. Kinh nghiệm trên thế giới, các HTX thành công phần lớn là HTX của những chủ

trang trại quy mô lớn. Ở Việt Nam, nhiều mô hình thành công cũng nhờ vào chủ trang trại quy mô lớn. Ví dụ, HTX Cổ Đông (Xã Cổ Đông, Thành phố Sơn Tây, Tỉnh Hà Tây) là một trường hợp thành công nhờ xã viên HTX là những ông chủ trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Chính vì vậy, Nhà nước cần thúc đẩy tập trung đất đai, để từ đó hình thành nên các trang trại quy mô lớn. Nhà nước cần có chính sách tài trợ 100% kinh phí giáo dục – đào tạo từ tiểu học đến trung học nghề nông cho con em nông dân để hình thành một đội ngũ “thanh nông tri điền” để họ đủ khả năng quản lý các trang trại quy mô lớn, các HTX đích thực quy mô lớn.

Tóm lại, việc gắn kết nông dân với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ là xu hướng tất yếu khách quan trong nền nông nghiệp hiện đại. Sản xuất theo hợp đồng trong tiêu thụ nông sản là một trong những hình thức góp phần gắn kết nông dân với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ. Căn cứ vào cấu trúc tổ chức của sản xuất theo hợp đồng, người ta chia thành 5 mô hình. Mỗi mô hình có cấu trúc, cơ chế vận hành, điều kiện áp dụng khác nhau, có ưu, nhược điểm khác nhau. Bài viết đã phân tích thực trạng các mô hình sản xuất theo hợp đồng ở Việt Nam và đề xuất hướng hoàn thiện các mô hình sản xuất theo hợp đồng trong thời gian tới. □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Charles Eaton and Andrew W. Shepherd (2001), *Contract farming – Partnerships for growth*, FAO agricultural services bulletin 145.
- Đặng Kim Sơn (2004), *Ba cơ chế thị trường, nhà nước và cộng đồng - ứng dụng cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Michael Sykuta and Joseph Parcell (2003), “Contract Structure and Design in Identity Preserved Soybean Production”, *Review of Agricultural Economics* 25(2):332-350, (working paper version).
- Vũ Trọng Khải và Nguyễn Thắng (2006), *Đa dạng hóa chủ thể sở hữu doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.